

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC GIANG  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/DS -ST  
Ngày 21/12/2020  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Triệu Thị Luyện

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tư

2. Ông Nguyễn Văn Bằng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Hương –Thư ký TAND thành phố Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở TAND thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXX-DS ngày 27/11/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP B

*Địa chỉ:* số 109 Trần Hưng Đạo, phường C, quận H, thành phố H.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Doãn S – chức vụ Tổng giám đốc

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:* Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó phòng khách hàng và bà Bùi Thị L, chức vụ: Chuyên viên khách hàng (Văn bản ủy quyền số 85A ngày 14/9/2020 - ông H vắng mặt, bà L có mặt)

*Bị đơn:*

1. Anh Đỗ Việt H, sinh năm 1977 (vắng mặt)

*Địa chỉ:* Thị trấn Đ, huyện L tỉnh G

*Đơn vị công tác:* Trường THCS BS.

2. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1980 (vắng mặt)

*Nơi ĐKKHKT:* Thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh G

*Nơi ở:* phường D, thành phố B, tỉnh G.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 17/01/2018, anh Đỗ Việt H và chị Vũ Thị H ký hợp đồng tín dụng số 3002018050 với Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh Bắc Giang (viết tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 300.000.000đồng, mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 15%/năm .

Ngày 17/01/2018, anh H chị H được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 300.000.000đồng tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3002018050/01, thời hạn vay từ ngày 18/01/2018 đến hết ngày 17/01/2023; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 15%/năm, lãi suất chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc: Trả gốc làm 60 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng vào ngày 25 hàng tháng ( có sao kê lịch trả nợ kèm Hợp đồng tín dụng), ngày trả nợ cuối cùng 17/01/2023; kỳ hạn trả lãi: Lãi trả hàng tháng vào ngày 25 (theo sao kê lịch trả nợ).

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh H, chị H đã trả Ngân hàng được khoảng 40 triệu đồng tiền gốc và 29.433.644 đồng tiền lãi. Anh H, chị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ 05/10/2018 và không đủ điều kiện để Ngân hàng gia hạn nợ hoặc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định. Khoản tiền vay nêu trên là khoản vay chung của anh H chị H vì mục đích vay tiêu dùng, khoản vay phát sinh trong thời gian anh H chị H là vợ chồng. Khoản vay của anh H chị H là khoản vay tín chấp, không có tài sản thế chấp

Do đã nhiều lần yêu cầu anh H chị H thanh toán trả tiền nhưng không được nên Ngân hàng khởi kiện: Buộc anh Đỗ Việt H và chị Vũ Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng số HDTD3002018050 ngày 17/01/2018, tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/9/2020 là 320.161.623 đồng (trong đó nợ gốc là 259.999.829đồng, nợ lãi là 60.161.794 đồng) và toàn bộ tiền lãi, lãi phạt, phí phát sinh liên quan đến khoản vay từ ngày 04/9/2020 đến ngày thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

*Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là Đỗ Việt H trình bày:*

Ngày 17/01/2018, anh và vợ Vũ Thị H ký hợp đồng tín dụng số 3002018050 với Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Bắc Giang để vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất cho vay trong hạn là 15%/năm. Ngày 17/01/2018, anh được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 300.000.000 đồng tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3002018050/01, thời hạn vay, lãi suất cho vay, kỳ hạn trả nợ gốc, lãi được quy định cụ thể trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ và theo Ngân hàng đã trình bày. Khoản vay nêu trên là khoản vay tín chấp, không có tài sản thế chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh đã trả Ngân hàng được khoảng 40 triệu đồng tiền gốc và 29.433.644 đồng tiền lãi. Anh vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ 05/10/2018.

Anh H xác định khoản tiền vay nêu trên là khoản vay của cá nhân anh vì mục đích vay để vay tiêu dùng cá nhân, chị H không liên quan, không được biết, được

bàn bạc gì về khoản nợ này. Khi vay khoản tiền này thì anh H và chị H vẫn là vợ chồng hợp pháp.

Quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng như sau:

- Anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số tiền gốc, tiền lãi phải trả.

- Ngày 14/5/2018 anh và chị H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 99/2018/QĐST- HNGĐ ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang; chị H hiện nay đang phải nuôi hai con chung, thu nhập không ổn định nên anh nhận trả cả khoản nợ này, không yêu cầu chị H có trách nhiệm trả.

- Do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên đề nghị Ngân hàng cho trả dần hàng tháng số tiền gốc, tiền lãi là 4000.000đồng.

*Tại bản tự khai, ngày 19/11/2020, bị đơn là chị Vũ Thị H trình bày:*

Chị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu chị cùng có trách nhiệm trả nợ cùng anh H vì đây là khoản nợ riêng của anh H, chị không được biết, được bàn bạc và không ký vào bất cứ giấy tờ gì. Mặt khác chị và anh H đã ly hôn theo Quyết định theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 99/2018/QĐST- HNGĐ ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không được do nguyên đơn, bị đơn không thống nhất được phương án trả nợ.

Tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn trình bày:

- Tính đến hết ngày 21/12/2020 anh Đỗ Việt H, chị Vũ Thị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 3002018050 ngày 17/01/2018 là 366.803.710 đồng, cụ thể: Nợ gốc là 259.999.817 đồng, nợ lãi là 106.803.893 đồng (trong đó lãi trong hạn là 65.562.903 đồng, lãi quá hạn là 33.204.546 đồng, phạt trên lãi chậm trả là 8.036.444 đồng).

- Ngân hàng xác định khoản tiền vay nêu trên là nợ chung của anh H chị H vì mục đích vay tiêu dùng, khoản vay phát sinh trong thời gian anh H chị H là vợ chồng. Do anh H chị H đã ly hôn vào năm 2018, tại phiên hòa giải anh H tự nguyện nhận trả cả khoản tiền còn nợ Ngân hàng nên nay Ngân hàng đồng ý và chỉ yêu cầu anh H có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng, Ngân hàng không yêu cầu chị H phải trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Đỗ Việt H phải trả Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến hết ngày 21/12/2020 là 366.803.710 đồng trong đó: Nợ gốc là 259.999.817 đồng, nợ lãi là 106.803.893 đồng.

+ Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Việt H, chị Vũ Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với bị đơn.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu bị đơn là Đỗ Việt H, chị Vũ Thị H trả tiền gốc, tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng với anh do anh H, chị H vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi theo thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng tín dụng. Bị đơn không có giấy phép đăng ký kinh doanh, mục đích vay tiêu dùng, nơi ký kết, thực hiện hợp đồng là trụ sở của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Bắc Giang. Căn cứ Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là quan hệ dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

[2]. Về yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn:

[2.1]. Theo lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì ngày 17/01/2018 anh H, chị H ký hợp đồng tín dụng số HDTD300201805 để vay số tiền 300 triệu đồng. Ngày 17/01/2018, anh H, chị H được Ngân hàng giải ngân cho vay số tiền 300.000.000 đồng tại giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 3002018050/01.

[2.2] Tại hợp đồng tín dụng số HDTD300201805 ngày 17/01/2018 thể hiện Bên vay là anh Đỗ Việt H và vợ Vũ Thị H, Hợp đồng có chữ ký của anh H, chị H, mục đích sử dụng tiền vay là vay tiêu dùng; khoản vay phát sinh trong thời gian anh H, chị H vẫn là vợ chồng hợp pháp. Anh H, chị H xác định chị H không biết, không được bàn bạc về khoản vay nên đây là khoản vay của cá nhân anh H là không có cơ sở. Do vậy, xác định khoản tiền vay này là khoản vay chung của anh H, chị H.

[2.3] Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và lịch thanh toán nợ vay thì anh H, chị H vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc, tiền lãi kể từ ngày 05/10/2018. Việc anh H, chị H không thực hiện trả nợ gốc, nợ lãi theo kỳ hạn trả nợ là vi phạm điều khoản trong hợp đồng tín dụng số HDTD300201805. Tính đến ngày 21/12/2020, anh H, chị H còn nợ Ngân hàng số nợ gốc là 259.999.817 đồng; nợ lãi là 106.803.893 đồng như Ngân hàng yêu cầu là đúng. Anh H không có ý kiến gì về số tiền còn nợ, về hợp đồng tín dụng. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H, chị H trả số tiền nêu trên là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng và có căn cứ theo khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[2.4] Xác định khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng Ngân hàng khởi kiện là khoản vay chung của anh H, chị H. Tuy nhiên, năm 2018 anh H, chị H đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 99/2018/QĐST- HNGĐ ngày 14/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang. Nay anh H xin chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền còn nợ, không yêu cầu chị H phải trả, Ngân hàng đồng ý với đề nghị của anh H. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn là anh Đỗ Việt H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 90; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc anh Đỗ Việt H phải trả Ngân hàng TMCP B số tiền tính đến hết ngày 21/12/2020 là 366.803.710 đồng (*bằng chữ: Ba trăm sáu mươi sáu triệu, tám trăm linh ba nghìn, bảy trăm mười đồng*) trong đó: Nợ gốc là 259.999.817 đồng, nợ lãi là 106.803.893 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD3002018050 ngày 17/01/2018.

2. Về án phí:

- Anh Đỗ Việt H phải chịu 18.340.185 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Hoàn trả Ngân hàng TMCP B số tiền 6.450.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001629 ngày 15/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp Bắc Giang.
- CCTHADS Tp Bắc Giang .
- Các đ-ơng sự.
- L- u HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Triệu Thị Luyện**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**